TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 233/2022/DS-PT
Ngày 30-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài.
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng;
Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Anh Đào - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Bà Đặng Hà Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 8 năm 2022, về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2022/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 178/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 8 năm 2022 , giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1975; địa chỉ: A55C, khu phố B1, phường B2, thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Bé B, sinh năm 1981; địa chỉ: tổ 2, khu phố K, phường T2, thị xã T3, tỉnh Bình Dương (Hợp đồng ủy quyền ngày 08/9/2020), có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Trường V, sinh năm 1976; địa chỉ: 115A, khu phố TA, phường A, thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Nguyễn Kim P1, sinh năm 1970; địa chỉ: 115A khu phố TA, phường A, thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của Bà Nguyễn Kim P1: Ông Phạm Châu T4, sinh năm 1995, địa chỉ: 53/1, N, xã A, huyện C, tỉnh Long An, (Giấy ủy quyền ngày 26/9/2022), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn 9, xã T5, huyện T6, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Văn phòng Công chứng A; trụ sở: 396A, N, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Từ Minh Tuấn – Trưởng văn phòng, vắng mặt.

2. Ông Lâm Trọng N, sinh năm 1970; địa chỉ: A55C, khu phố B1, phường B2, thành phố T1, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P trình bày***:**

Ngày 24/4/2019, bà Nguyễn Thị Kim P có cho vợ chồng ông Nguyễn Trường V, Bà Nguyễn Kim P1 vay số tiền 4.000.000.000 đồng, lãi trả hàng tháng nhưng hai bên không ghi rõ lãi suất; thời hạn trả nợ chậm nhất vào ngày 24/10/2019. Để bảo đảm khoản nợ vay, ông V, bà P1 đồng ý thế chấp cho bà P quyền sử dụng đất có diện tích 717m^2, thuộc thửa 304, tờ bản đồ A2 (DC2), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 734802, số vào sổ H00947/BN ngày 28/8/2007, do Cơ quan U huyện T1 cấp cho ông Nguyễn Trường V. Việc thế chấp thực hiện dưới hình thức ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho bà P. Hợp đồng này đã được Văn phòng Công chứng A công chứng số 3705 quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/4/2019. Sau đó nội dung của hợp đồng này đã được sửa đổi bổ sung tại Điều 2 của hợp đồng và cũng đã được Văn phòng Công chứng A công chứng số 4688 quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/5/2019. Nội dung sửa đổi là thay đổi về giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 5.500.000.000 đồng, vì vợ chồng ông V, bà P1 có nhu cầu vay thêm tiền của bà P. Căn cứ vào giá chuyển nhượng của hợp đồng sửa đổi, bổ sung nêu trên bà P cho vợ chồng ông V vay thêm số tiền cụ thể như sau:

- Ngày 21/5/2019 vay số tiền 650.000.000 đồng;

- Ngày 24/5/2019 vay số tiền 1.000.000.000 đồng;

- Ngày 03/8/2019 vay thêm số tiền 250.000.000đồng.

Tổng số tiền nguyên đơn cho bị đơn vay là 5.900.000.000đ (Năm tỷ chín trăm triệu đồng). Thời hạn trả tiền vay ngày 24/10/2019.

Quá thời hạn vay, vợ chồng ông V, bà P1 không trả tiền cho bà P mặc dù bà P nhiều lần yêu cầu. Bà P ấn định lần cuối cùng để vợ chồng ông V, bà P1 trả tiền là vào ngày 05/9/2020 nhưng vợ chồng ông V, bà P1 không trả và cũng không có ý kiến gì.

Nay bà Nguyễn Thị Kim P yêu cầu vợ chồng ông V, bà P1 trả 5.900.000.000 đồng tiền gốc và lãi như sau:

- Tiền lãi trên khoản nợ vay gốc 4.000.000.000 đồng tính từ ngày 24/4/2019 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 13/5/2022 là 36 tháng 21 ngày = {4.000.000.000đ x (36 tháng + 19 ngày)} x 10%/năm = 1.220.622.666 đồng;

- Tiền lãi trên số tiền nợ vay gốc 1.650.000.000 đồng tính từ ngày 24/5/2019 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm tạm tính ngày 13/5/2022 là 35 tháng 19 ngày = {1.650.000.000đ x (35 tháng + 19 ngày)} x 10%/năm = 489.762.350 đồng;

- Tiền lãi trên số tiền nợ vay gốc 250.000.000 đồng từ ngày 03/8/2019 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 13/5/2022 là 33 tháng 10 ngày = {250.000.000đ x (33 tháng + 10 ngày)} x 10%/năm = 69.416.666 đồng;

Tổng cộng, nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Trường V và Bà Nguyễn Kim P1 phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi phát sinh đến thời điểm xét xử sơ thẩm là: 5.900.000.000 đồng + 1.220.622.666 đồng + 489.762.350 đồng + 69.416.666 đồng = 7.679.801.682 đồng.

- Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 3705 quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/4/2019 và Hợp đồng này sửa đổi bổ sung hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 4688 quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/5/2019 của Văn phòng Công chứng A là vô hiệu do giả tạo. Nguyên đơn đồng ý trả lại cho bị đơn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 734802, số vào sổ H00947/BN ngày 28/8/2007 do Cơ quan U huyện T1 cấp cho ông Nguyễn Trường V.

Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn, vì ông V, bà P1 chưa trả cho bà P bất kỳ số tiền nào vào những ngày như bị đơn nêu. Cụ thể, bị đơn trình bày có chuyển qua tài khoản ngân hàng để trả tiền lãi cho bà P vào ngày 22/3/2019 là 150.000.000 đồng; ngày 03/5/2019 là 90.000.000 đồng; ngày 10/6/2019 là 130.000.000 đồng nhưng thực tế bà P không nhận được khoản tiền nào như bị đơn trình bày. Đối với giấy nhận tiền bị đơn đưa ra, trên giấy có ghi bà P và chồng là ông Lâm Trọng N vào ngày 27/5/2019 có nhận của ông V số tiền 500.000.000 đồng nguyên đơn thừa nhận chữ kí và chữ viết tên trên giấy này là của bà P và ông N nhưng số tiền này không phải là tiền bị đơn trả lãi cho bà P mà chỉ là số tiền hai bên mượn qua lại với nhau và bà P đã trả lại cho ông V, bà P1. Khi trả bà P còn lưu lại các tin nhắn trên ứng dụng di động Zalo theo Vi bằng ngày 14/4/2022 của Văn phòng Thừa phát lại thành phố T5

Bị đơn ông Nguyễn Trường V và Bà Nguyễn Kim P1 trình bày:

Thống nhất với nguyên đơn về việc hai bên có ký kết các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Bản chất của hai hợp đồng này là nguyên đơn cho bị đơn vay tiền và thế chấp bằng hình thức ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Vì vậy, bị đơn thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn về việc tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 3705 quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/4/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 4688 quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/5/2019 của Văn phòng Công chứng A là vô hiệu do giả tạo.

Bị đơn thừa nhận có ký tên trên giấy vay tiền ngày 24/4/2019 về việc vay của nguyên đơn số tiền 5.900.000.000đ (Năm tỷ chín trăm triệu đồng) nhưng không đồng ý trả số tiền này cho nguyên đơn cũng như không đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn vì giữa nguyên đơn và bị đơn có chuyện hùn hạp làm ăn nhưng chưa thỏa thuận được; đồng thời trong số nợ nêu trên có khoản nợ của những ngày 21/5/2019; 24/5/2019 và 03/8/2019 không ghi rõ thời hạn vay và cho đến nay bị đơn cũng chưa nhận được thông báo của nguyên đơn về việc yêu cầu trả số nợ của các ngày 21/5/2019; 24/5/2019 và 03/8/2019.

Ngày 02/11/2021, bị đơn nộp đơn phản tố với các yêu cầu như sau:

- Đồng ý với yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 3705, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/4/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 4688, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/5/2019 lập tại Văn phòng Công chứng A, tỉnh Bình Dương là vô hiệu;

- Ông Nguyễn Trường V và Bà Nguyễn Kim P1 đồng ý trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim P số tiền 2.630.000.000 đồng;

- Ông Nguyễn Trường V và Bà Nguyễn Kim P1 không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim P.

Tại phiên tòa, bị đơn có đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố nêu trên và trình bày thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn về việc tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 3705, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/4/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 4688, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/5/2019 lập tại Văn phòng Công chứng A, tỉnh Bình Dương là vô hiệu; yêu cầu nguyên đơn trả cho bị đơn bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 734802, số vào sổ H00947/BN ngày 28/8/2007 do UBND huyện T1 cấp cho ông Nguyễn Trường V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lâm Trọng N trình bày: Ông N và bà Nguyễn Thị Kim P là vợ chồng, có mối quan hệ hợp tác làm ăn với ông V,

bà P1. Ngày 27/5/2019 do không đủ tiền để đặt cọc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên vợ chồng ông N có vay của ông V, bà P1 số tiền 500.000.000 đồng, để vài ngày sau sẽ trả. Ngày 05/6/2019, vợ chồng ông N có trả cho ông V, bà P1 số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); ngày 10/6/2019 trả số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Sau đó tiếp tục trả số tiền 166.000.000đ (Một trăm sáu mươi sáu triệu đồng), còn nợ 44.000.000đ (Bốn mươi bốn triệu đồng) sau đó đã trả hết. Bà P xác nhận là đã nhận đủ số tiền ông N, bà P đã vay nêu trên tại những tin nhắn trên ứng dụng Zalo giữa bà P và bà P. Ông N không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, không có yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng A trình bày:

Thống nhất với các đương sự về việc Văn phòng Công chứng A đã ký công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3705 quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/4/2019 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 4688 quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/5/2019. Văn phòng Công chứng A đã kiểm tra về đối tượng, chủ thể tham gia ký hợp đồng đều đúng quy định của pháp luật, các thỏa thuận giữa các bên không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và hoàn toàn tự nguyện, các bên đã đọc kỹ hợp đồng và đồng ý ký tên, lăn dấu vân tay trên hợp đồng. Đối với yêu cầu của các đương sự về tuyên bố hợp đồng đã ký giữa các bên là vô hiệu đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật và tình tiết của vụ án để giải quyết; Văn phòng Công chứng A đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2022/DS-ST ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh Bình Dương đã quyết định như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P đối với ông Nguyễn Trường V và Bà Nguyễn Kim P1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản; tranh chấp yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu.

Buộc ông Nguyễn Trường V và Bà Nguyễn Kim P1 phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim P số tiền nợ gốc 5.900.000.000 đồng (Năm tỷ chín trăm triệu đồng) và tiền lãi 1.342.806.688 đồng (Một tỷ, ba trăm bốn mươi hai triệu, tám trăm lẻ sáu nghìn, sáu trăm tám mươi tám đồng), tổng cộng là 7.242.806.688 đồng (Bảy tỷ, hai trăm bốn mươi hai triệu, tám trăm lẻ sáu nghìn, sáu trăm tám mươi tám đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi 438.513.887 đồng (Bốn trăm ba mươi tám triệu, năm trăm mười ba nghìn, tám trăm tám mươi bảy đồng).

3. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 3705, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/4/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển

nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 4688, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/5/2019 lập tại Văn phòng Công chứng A, tỉnh Bình Dương là vô hiệu do giả tạo.

Sau khi ông Nguyễn Trường V và Bà Nguyễn Kim P1 thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền, bà Nguyễn Thị Kim P phải trả lại cho ông Nguyễn Trường V và Bà Nguyễn Kim P1 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 734802, số vào sổ H00947/BN ngày 28/8/2007 do UBND huyện T1 cấp cho ông Nguyễn Trường V.

4. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Trường V, Bà Nguyễn Kim P1 đối với bà Nguyễn Thị Kim P về việc:

- Ông Nguyễn Trường V và Bà Nguyễn Kim P1 đồng ý trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim P số tiền 2.630.000.000 đồng;

- Ông Nguyễn Trường V và Bà Nguyễn Kim P1 không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim P.

Ngoài ra bản án còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/5/2022, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên khởi kiện; bị đơn giữ nguyên kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng chỉ có khoản vay ngày 24/4/2019 đến hạn trả nợ, các khoản vay khác chưa đến hạn; ngoài ra trong quá trình vay thì bị đơn đã trả tiền lãi cho nguyên đơn 03 lần nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét.

Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Bị đơn kháng cáo chỉ chấp nhận trả tiền vay của nguyên đơn tại khoản vay ngày 24/4/2019; các khoản vay khác không đồng ý trả do chưa đến hạn. Quá trình tố tụng bị đơn trình bày mâu thuẫn nhau về số tiền vay, tiền lãi và số tiền đã trả cho nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn thừa nhận những chữ ký của mình tại "Giấy mượn tiền" là chứng cứ chứng minh việc vay mượn tiền của bị đơn đối với nguyên đơn. Nguyên đơn chứng minh được các khoản tiền cho bị đơn vay và đã thông báo cho bị đơn trả nợ nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ, do đó khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn không có chứng cứ khác làm thay đổi nội dung vụ án nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn bà ông Nguyễn Trường V và Bà Nguyễn Kim P1 trong hạn luật định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng A và ông Lâm Trọng N vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo quy định.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Trường V, Bà Nguyễn Kim P1 yêu cầu trả số tiền vay 5.900.000.000 đồng và tiền lãi là 1.779.801.682 đồng; yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu do giả tạo đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 3705, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/4/2019 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 4688, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/5/2019 do Văn phòng Công chứng A, tỉnh Bình Dương chứng nhận.

Bị đơn ông Nguyễn Trường V, Bà Nguyễn Kim P1 phản tố đồng ý trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim P số tiền 2.630.000.000 đồng; không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn; đồng ý tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 3705, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/4/2019 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 4688, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/5/2019 do Văn phòng Công chứng A, tỉnh Bình Dương chứng nhận giữa nguyên đơn và bị đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn rút yêu cầu phản tố về việc trả cho bà Nguyễn Thị Kim P số tiền 2.630.000.000 đồng; không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn thống nhất yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 3705, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/4/2019 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 4688, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/5/2019 do Văn phòng Công chứng A, tỉnh Bình Dương chứng nhận là vô hiệu.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, ghi nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 3705, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/4/2019 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 4688, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/5/2019 do Văn phòng Công chứng A, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Bị đơn ông Nguyễn Trường V và Bà Nguyễn Kim P1 kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả tiền gốc 5.900.000.000 đồng và tiền lãi là không khách quan, không phù hợp với tình tiết, chứng cứ. Ông V, bà P1 cho rằng vay tiền của bà P rất nhiều lần với mức lãi suất 3%-5% trên số tiền vay, những lần không có tiền trả lãi thì bà P cộng vào số tiền gốc để buộc bị đơn trả tiền lãi. Tại

đơn kháng cáo ông V, bà P1 trình bày chấp nhận trả số tiền vay 4.000.000.000 đồng theo giấy vay nợ ngày 24/4/2019.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn: Tài liệu, chứng cứ tại bút lục 08, thể hiện ngày 24/4/2019, ông Nguyễn Trường V và Bà Nguyễn Kim P1 vay của bà Nguyễn Thị Kim P số tiền 4.000.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 24/4/2019 đến ngày 24/10/2019, lãi suất trả hàng tháng, thế chấp diện tích đất 717m^2, thửa đất số 304, tờ bản đồ A2 (DC2), do Cơ quan U huyện T1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 734802, (số vào sổ H00947/BN) ngày 28/8/2007 cho ông Nguyễn Trường V năm 2007 (bút lục 10). Việc vay số tiền 4.000.000.000 đồng được lập "Giấy mượn tiền" được ông V, bà P1 và bà P cùng ký tên, lăn dấu vân tay vào cuối văn bản. Việc thế chấp tài sản nêu trên được ông V, bà P1 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà P ngày 26/4/2019, do Văn phòng Công chứng A chứng nhận, giá trị chuyển nhượng 3.500.000.000 đồng.

Đến ngày 21/5/2019, ông V và bà P vay tiếp của bà P 650.000.000 đồng. Việc vay số tiền này được ông V, bà P1 viết tiếp sau tờ "Giấy mượn tiền" nêu trên và ký tên, lăn dấu vân tay của ông V, bà P1 (bút lục 08).

Ngày 22/5/2019, ông V, bà P1 ký hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng Công chứng A chứng nhận, giá trị chuyển nhượng 5.500.000.000 đồng.

Ngày 24/5/2019, ông V và bà P vay tiếp của bà P 1.000.000.000 đồng. Việc vay số tiền này được ông V, bà P1 viết tiếp sau tờ "Giấy mượn tiền" trên và ký tên, lăn dấu vân tay của ông V, bà P1 (bút lục 08).

Ngày 03/8/2019, ông V và bà P vay tiếp của bà P 250.000.000 đồng, bà P viết *"Hôm nay 3/8/2019 nhận thêm 250.000.000.000 đ (hai trăm năm mươi) Tổng là: 5.900.000.000 đ Năm tỷ chín trăm triệu*" cuối dòng chữ trên bà P ký tên và lăn dấu vân tay.

Tài liệu, chứng cứ trên chứng minh ông V, bà P1 vay của bà P tổng cộng số tiền 5.900.000.000 đồng đến ngày xét xử sơ thẩm chưa trả; bị đơn cho rằng ngoài số tiền 4.000.000.000 đồng vay ngày 24/4/2019 thời hạn vay 06 tháng, kết thúc ngày 24/10/2019; các khoản vay còn lại không có thời hạn kết thúc, tuy nhiên nguyên đơn giao nộp chứng cứ *"Thông báo v/v yêu cầu trả nợ"* gửi cho ông V, bà P qua dịch vụ chuyển phát nhanh (EMS) vào ngày 21/8/2020, thời hạn trả nợ là ngày 05/9/2020 (Bút lục 19, 23). Như vậy, việc bà P thông báo cho ông V, bà P1 thời hạn trả nợ như trên là hợp pháp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tiền vay 5.900.000.000 đồng và tiền lãi được tính như sau:

- Tiền vay 4.000.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 24/10/2019 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 13/5/2022) là 30 tháng 20 ngày = {4.000.000.000đ x (30 tháng 20 ngày)} x 10%/năm = 1.021.917.800 đồng.

- Tiền vay 1.900.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 06/9/2020 (Ngày nguyên đơn thông báo cho bị đơn phải trả tiền đã vay) đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 13/5/2022) là 20 tháng 08 ngày = {1.650.000.000đ x (20 tháng 08 ngày)} x 10%/năm = 320.888.888 đồng;

Tổng cộng, ông Nguyễn Trường V và Bà Nguyễn Kim P1 phải trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh đến thời điểm xét xử sơ thẩm là: 5.900.000.000 đồng + 1.021.917.800 đồng + 320.888.888 đồng = 7.242.806.688 đồng.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng bị đơn đã trả lãi cho nguyên đơn 03 lần số tiền 370.000.000 đồng vào các ngày 22/3/2019, ngày 03/5/2019 và ngày 10/6/2019 qua số tài khoản 5500211001047. Tuy nhiên, theo kết quả xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm tại Ngân hàng Á Châu thì vào các ngày 22/3/2019, 03/5/2019 và ngày 10/6/2019 ông Nguyễn Trường V có chuyển số tiền nêu trên đến tài khoản số 5500211001047 đứng tên bà Nguyễn Thị Phi N tại Ngân hàng N chứ không phải tài khoản mang tên bà Nguyễn Thị Kim P (Bút lục 143). Như vậy, trình bày của bị đơn về việc đã chuyển vào tài khoản của nguyên đơn tổng số tiền 370.000.000 đồng vào các ngày 22/3/2019, 03/5/2019 và ngày 10/6/2019 là không có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo không có tài liệu chứng cứ gì khác chứng minh cấp sơ thẩm xét xử buộc bị đơn trả tiền gốc và lãi không đúng quy định pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[5] Án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp. Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích cho bị đơn là chưa phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 48, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Bà Nguyễn Kim P1 và ông Nguyễn Trường V.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2022/DS-ST ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

2. Án phí phúc thẩm:

Người kháng cáo Bà Nguyễn Kim P1 và ông Nguyễn Trường V phải chịu 300.000 đồng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0002677 ngày 15/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

Trả lại cho Bà Nguyễn Kim P1 và ông Nguyễn Trường V 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0002918 ngày 03/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS TP T1;
- TAND TP T1;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính, Tư pháp;
- Lưu: HS, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Tài